

Số: ~~1539~~/QĐ-UBND

Kiên Lương, ngày ~~17~~ tháng ~~6~~ năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Tám Thước, huyện Kiên
Lương (đoạn qua xã Kiên Lương, tỉnh An Giang)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIÊN LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thông qua Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; Danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch thực hiện trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh An Giang ban hành Bảng giá đất lần đầu tỉnh An Giang áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình và các vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Kiên Giang quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kiên Lương;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thẩm quyền thực hiện thủ tục đất đai và thủ tục hành chính về đất đai trong thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh chưa phân cấp, ủy quyền và ban hành bộ thủ tục hành chính theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết của Quốc hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo số 410/BC-STC ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Sở Công thương về tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý nhà nước về giá tháng 04 năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang để làm căn cứ tính đơn giá gạo trung bình hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ dân khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Lương về chủ trương đầu tư dự án Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Lương về điều chỉnh Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Lương về chủ trương đầu tư dự án Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương;

Căn cứ Quyết định số 5381/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 UBND huyện Kiên Lương phê duyệt Dự án: Đường Tám Thước huyện Kiên Lương;

Căn cứ Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kiên Lương về việc ủy quyền quyết định và ký cấp các thủ tục hành chính có liên quan đến lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kiên Lương, tỉnh An Giang;

Căn cứ Chứng thư định giá số 13205/26/CT-ĐGD/VNS ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Công ty Cổ phần Định giá - Tư vấn và Đầu tư xây dựng VinaSun để làm căn cứ áp giá bồi thường về đất dự án Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương (đoạn qua xã Kiên Lương, tỉnh An Giang);

Căn cứ Phương án số 04/PA-ĐD ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Công ty TNHH Đầu tư Đo đạc Đông Dương về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương (đoạn qua xã Kiên Lương, tỉnh An Giang);

Căn cứ Tờ trình số 05/TTr-TTKTTNMT ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Công ty TNHH đầu tư đo đạc Đông Dương về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương (đoạn qua xã Kiên Lương, tỉnh An Giang);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 207/TTr-KT ngày 17 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương (đoạn qua xã Kiên Lương, tỉnh An Giang), bao gồm:

1. Giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương (đoạn qua xã Kiên Lương, tỉnh An Giang):

Stt	Tên đường	Loại đất	Giá theo quy định tại NQ số 16/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh An Giang	Đơn giá khảo sát theo giá thị trường tháng 05/2026	Hệ số điều chỉnh giá đất
I	Quốc lộ 80 – Từ bưu điện Kiên Lương – Trần Hưng Đạo (Khu đô thị Ba Hòn)				

01	Đất ở tại đô thị				
	Vị trí 01	ODT	3.900.000 đ/m ²	6.735.000 đ/m ²	1,73
	Vị trí 02	ODT	2.730.000 đ/m ²	4.714.000 đ/m ²	1,73
	Vị trí 03	ODT	1.911.000 đ/m ²	3.300.000 đ/m ²	1,73
	Vị trí 04	ODT	1.337.700 đ/m ²	2.310.000 đ/m ²	1,73
02	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp				
	Vị trí 01	PNN	3.900.000 đ/m ²	6.735.000 đ/m ²	1,73
	Vị trí 02	PNN	2.730.000 đ/m ²	4.714.000 đ/m ²	1,73
	Vị trí 03	PNN	1.911.000 đ/m ²	3.300.000 đ/m ²	1,73
	Vị trí 04	PNN	1.337.700 đ/m ²	2.310.000 đ/m ²	1,73
03	Đất trồng cây lâu năm				
	Vị trí 01	CLN	31.000 đ/m ²	357.000 đ/m ²	11,52
	Vị trí 02	CLN	26.000 đ/m ²	299.000 đ/m ²	11,52
II	Kênh An Bình R:11,0m				
01	Đất trồng cây lâu năm				
	Vị trí 01	CLN	31.000 đ/m ²	98.000 đ/m ²	3,15
III	Kênh Tám Thước – Đoạn từ hết vị trí 02 Quốc lộ 80 đến giáp ranh xã Hòa Điền				
01	Đất trồng cây lâu năm				
	Vị trí 01	CLN	31.000 đ/m ²	93.000 đ/m ²	3,00
	Vị trí 02	CLN	26.000 đ/m ²	78.000 đ/m ²	3,00
02	Đất trồng cây hàng năm				
	Vị trí 01	CHN	29.000 đ/m ²	87.000 đ/m ²	3,00
	Vị trí 02	CHN	24.000 đ/m ²	72.000 đ/m ²	3,00
03	Đất nuôi trồng thủy sản				
	Vị trí 01	NTS	26.000 đ/m ²	78.000 đ/m ²	3,00

	Vị trí 02	NTS	20.000 đ/m ²	60.000 đ/m ²	3,00
IV	Đường tuyến tránh Kiên Lương – kênh 300 – giáp ranh xã Hòa Điền				
01	Đất trồng cây lâu năm				
	Vị trí 01	CLN	31.000 đ/m ²	119.000 đ/m ²	3,85
	Vị trí 02	CLN	26.000 đ/m ²	100.000 đ/m ²	3,85
02	Đất trồng cây hàng năm				
	Vị trí 01	CHN	29.000 đ/m ²	112.000 đ/m ²	3,85
	Vị trí 02	CHN	24.000 đ/m ²	92.000 đ/m ²	3,85
03	Đất nuôi trồng thủy sản				
	Vị trí 01	NTS	26.000 đ/m ²	100.000 đ/m ²	3,85
	Vị trí 02	NTS	20.000 đ/m ²	77.000 đ/m ²	3,85
V	Kênh Tà Êm R:15,0m				
01	Đất trồng cây hàng năm				
	Vị trí 01	CHN	29.000 đ/m ²	87.000 đ/m ²	3,00
VI	Kênh Tám Thước – Đoạn từ ranh xã Hòa Điền đến kênh Lung Lớn 2				
01	Đất trồng cây hàng năm				
	Vị trí 01	CHN	29.000 đ/m ²	87.000 đ/m ²	3,00
	Vị trí 02	CHN	24.000 đ/m ²	72.000 đ/m ²	3,00
02	Đất nuôi trồng thủy sản				
	Vị trí 01	NTS	26.000 đ/m ²	78.000 đ/m ²	3,00
	Vị trí 02	NTS	20.000 đ/m ²	60.000 đ/m ²	3,00
VII	Kênh Lung Lớn 2				
01	Đất trồng cây hàng năm				
	Vị trí 01	CHN	29.000 đ/m ²	87.000 đ/m ²	3,00
	Vị trí 02	CHN	24.000 đ/m ²	72.000 đ/m ²	3,00

02	Đất nuôi trồng thủy sản				
	Vị trí 01	NTS	26.000 đ/m ²	78.000 đ/m ²	3,00
	Vị trí 02	NTS	20.000 đ/m ²	60.000 đ/m ²	3,00
VIII	Đường Lung Lớn 2 (R:3,5m nhựa)				
01	Đất trồng cây hàng năm				
	Vị trí 01	CHN	29.000 đ/m ²	112.000 đ/m ²	3,85
	Vị trí 02	CHN	24.000 đ/m ²	92.000 đ/m ²	3,85
02	Đất nuôi trồng thủy sản				
	Vị trí 01	NTS	26.000 đ/m ²	100.000 đ/m ²	3,85
	Vị trí 02	NTS	20.000 đ/m ²	77.000 đ/m ²	3,85
IX	Kênh Tám Thước – đoạn từ kênh Lung Lớn 2 đến đường Rạch Đùng Song Chính				
01	Đất trồng cây lâu năm				
	Vị trí 01	CLN	31.000 đ/m ²	93.000 đ/m ²	3,00
	Vị trí 02	CLN	29.000 đ/m ²	78.000 đ/m ²	3,00
02	Đất trồng cây hàng năm				
	Vị trí 01	CHN	29.000 đ/m ²	87.000 đ/m ²	3,00
	Vị trí 02	CHN	24.000 đ/m ²	72.000 đ/m ²	3,00
03	Đất nuôi trồng thủy sản				
	Vị trí 01	NTS	26.000 đ/m ²	78.000 đ/m ²	3,00
	Vị trí 02	NTS	20.000 đ/m ²	60.000 đ/m ²	3,00
X	Đường ĐT.961B (đường ven biển từ Hòn Đất – Kiên Lương) – từ ngã ba đường ĐT.961B (đường đê Quốc phòng cũ) – kênh Tám Thước (bao gồm đường bê tông từ ngã ba Rạch Đùng – cống Tám Thước)				
01	Đất ở tại nông thôn				
	Vị trí 01	ONT	2.000.000 đ/m ²	3.454.000 đ/m ²	1,73
	Vị trí 02	ONT	1.400.000 đ/m ²	2.418.000 đ/m ²	1,73

02	Đất trồng cây lâu năm				
	Vị trí 01	CLN	31.000 đ/m ²	119.000 đ/m ²	3,85
	Vị trí 02	CLN	26.000 đ/m ²	100.000 đ/m ²	3,85
03	Đất trồng cây hàng năm				
	Vị trí 01	CHN	29.000 đ/m ²	112.000 đ/m ²	3,85
	Vị trí 02	CHN	24.000 đ/m ²	92.000 đ/m ²	3,85
04	Đất nuôi trồng thủy sản				
	Vị trí 01	NTS	26.000 đ/m ²	100.000 đ/m ²	3,85
	Vị trí 02	NTS	20.000 đ/m ²	77.000 đ/m ²	3,85

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng: Có 104 hộ dân có đất nông nghiệp thu hồi, bồi thường (112 phương án thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ và 08 phương án bồi thường cho các hộ dân không có đất thu hồi).

3. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (3.1+3.2): 33.671.235.046 đồng (Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó:

3.1. Kinh phí bồi thường:

23.326.333.351 đồng

- Bồi thường về đất:

13.848.127.200 đồng

- Bồi thường về cây trồng:

2.015.803.600 đồng

- Bồi thường về vật kiến trúc:

7.462.402.551 đồng

3.2. Kinh phí hỗ trợ:

10.344.901.695 đồng

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

9.501.149.400 đồng

- Hỗ trợ ổn định đời sống:

600.752.295 đồng

- Hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản:

43.000.000 đồng

- Hỗ trợ di dời mồ mả (theo hình thức cải táng):

200.000.000 đồng

4. Kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 1.886.229.446 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng) theo Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Kiên Lương về việc phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án: Đường Tám Thước, huyện Kiên Lương (đoạn qua xã Kiên Lương, tỉnh An Giang).

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng – Giao thông tỉnh An Giang.

6. Đơn vị tư vấn lập phương án: Công ty TNHH Đầu tư Đo đạc Đông Dương.

(Chi tiết kèm theo là Phương án số 04/PA-DD ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Công ty TNHH Đầu tư Đo đạc Đông Dương).

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Phòng Kinh tế xã niêm yết công khai Quyết định này kèm theo Phương án bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Kiên Lương, điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị ảnh hưởng của dự án; trình Chủ tịch phê duyệt phương án chi tiết, đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND xã.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng – Giao thông tỉnh An Giang có trách nhiệm bố trí kinh phí để đảm bảo cho việc chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Giao cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư xã chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế xã và các ngành chức năng có liên quan chịu trách nhiệm giải tỏa, giải phóng mặt bằng khu đất quy hoạch theo đúng kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt; phối hợp thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Phương án đã được phê duyệt. Giao cho Phòng Kinh tế xã tiến hành chỉnh lý biên động đất đai của các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án bồi thường cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

4. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (nếu có): nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) trước khi được nhận tiền bồi thường hỗ trợ cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư xã để thực hiện chỉnh lý biên động đất đai theo quy định. Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày, kể từ ngày được thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định này thì người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải bàn giao đất cho Nhà nước để giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Thủ trưởng Phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã; Công ty TNHH Đầu tư Đo đạc Đông Dương; Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng – Giao thông tỉnh An Giang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong phương án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT. UBND xã;
- Sở NNMT tỉnh An Giang;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ptnhan.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Đăng